

Nhiệt điện Hải Phòng (HND)

Khó khăn tạm thời trong 2021 nhưng triển vọng dài hạn tích cực

20/10/2020

Chuyên viên phân tích Điện&Thép
Nguyễn Ngọc Hiếu
hieunn@kbsec.com.vn

Lũy kế doanh thu và lợi nhuận 9T2020 của HND đạt 2,286 tỉ đồng và 921 tỉ đồng tăng lần lượt 4.4% yoy, 51.5% yoy

Kết quả kinh doanh quý 3/2020 của Nhiệt điện Hải Phòng: doanh thu đạt 2,286 tỉ đồng giảm 1.7% do sản lượng điện thực phát giảm 162 triệu kWh so với quý 3/2019, lũy kế doanh thu 9T2020 đạt 8,437 tỉ đồng tăng 4.4% so với cùng kì. Lợi nhuận quý 3/2020 đạt 175 tỉ đồng tăng 88.4% so với cùng kì, lũy kế lợi nhuận sau thuế 9T2020 đạt 921 tỉ đồng tăng 51.5% YoY.

Biên lợi nhuận quý 3/2020 đạt 11.6% so với mức 9% của quý 3/2019, cao hơn 2.6%

Biên lợi nhuận quý 3/2020 của Nhiệt điện Hải Phòng đạt 11.6% so với mức 9% của quý 3/2019, cao hơn 2.6%. Doanh thu giảm nhẹ so với cùng kì tuy nhiên giá vốn hàng bán lại giảm nhiều hơn so với mức giảm của doanh thu nên lợi nhuận gộp của HND đạt 266 tỉ đồng tăng 26.7% so với quý 3/2019.

Trả nợ đều nợ vay có nguồn gốc ngoại tệ giúp cải thiện tình hình tài chính của công ty

Trả đều dư nợ vay có nguồn gốc ngoại tệ giúp chi phí lãi vay giảm và rủi ro chênh lệch tỷ giá. Mỗi năm HND trả nợ gần 1800 tỉ đồng, xu hướng này sẽ tiếp tục được duy trì khiến cho tình hình tài chính của công ty ngày càng lành mạnh hơn.

Công tác đàm phán giá điện đang được thực hiện và dự kiến hoàn thành trong năm 2021.

Sau khi trả xong nợ vay, HND sẽ đàm phán lại giá điện với EVN với giá thấp hơn. Hiện tại, các công tác chuẩn bị đàm phán giá điện đang được HND tiến hành và dự kiến hoàn thành trong năm 2021. Chúng tôi ước tính giá điện trong hợp đồng PPA năm 2021 đạt 1,534 VNĐ/kWh giảm 50 đồng, do đó doanh thu năm 2021 ước tính đạt 10,590 tỉ đồng giảm 6.7% so với 2020.

Chúng tôi khuyến nghị MUA đối với cổ phiếu HND

Chúng tôi khuyến nghị MUA đối với cổ phiếu HND, giá mục tiêu là 22,500VNĐ/Cổ phiếu, cao hơn 22.2% so với giá đóng cửa ngày 19/10/2020.

MUA

Giá mục tiêu 22,500 VND

Tăng/giảm (%)	22.2%
Giá hiện tại (October 19)	VND 18,400
Giá mục tiêu đồng thuận	VND 23,500
Vốn hóa thị trường (tỷ VNĐ/triệu USD)	9,250/402

Dữ liệu giao dịch

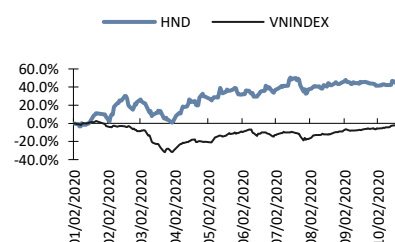
Tỷ lệ CP tự do chuyển nhượng (%)	14.03%
KLTB 10 phiên	70,740
Sở hữu nước ngoài (%)	0.04%

Biến động giá cổ phiếu

(%)	1M	3M	6M	12M
HND	-1.1	-4.1	15.4	40.5
VNINDEX	4.7	9.6	18.7	-4.0

Dự phóng KQKD & định giá

Năm	2018A	2019A	2020F	2021F
Doanh thu (tỉ đồng)	9,527	11,301	11,349	10,590
Lợi nhuận thuần hoạt động kinh doanh (tỉ VNĐ)	450	1,240	1,357	936
Lợi nhuận của cổ đông của công ty mẹ (tỷ VNĐ)	425	1,173	1,281	884
EPS (VNĐ)	850	2,345	2,562	1,767
Tăng trưởng EPS (%)	7.5%	175.9%	9.2%	-31%
P/E (x)	21.7	7.8	7.2	10
P/B (x)	1.6	1.5	1.4	1.5
ROE (%)	7.8%	19.7%	19.8%	14.2%



Kết quả kinh doanh

Lũy kế doanh thu và lợi nhuận 9T2020 của HND đạt 2,286 tỉ đồng và 921 tỉ đồng tăng lần lượt 4.4% yoy, 51.5% yoy

Biên lợi nhuận quý 3/2020 đạt 11.6% so với mức 9% của quý 3/2019, cao hơn 2.6%

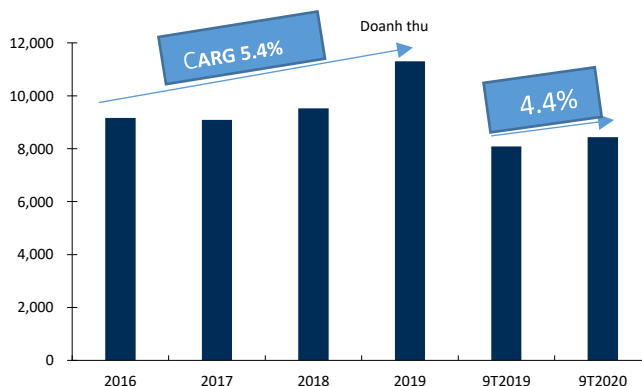
Lợi nhuận sau thuế tăng mạnh do giảm chi phí lãi vay và chi phí QLDN

Kết quả kinh doanh quý 3/2020 của Nhiệt điện Hải Phòng: doanh thu đạt 2,286 tỉ đồng giảm 1.7% do sản lượng điện thực phát giảm 162 triệu kWh so với quý 3/2019, lũy kế doanh thu 9T2020 đạt 8,437 tỉ đồng tăng 4.4% so với cùng kì. Lợi nhuận quý 3/2020 đạt 175 tỉ đồng tăng 88.4% so với cùng kì, lũy kế lợi nhuận sau thuế 9T2020 đạt 921 tỉ đồng tăng 51.5% YoY.

Biên lợi nhuận quý 3/2020 của Nhiệt điện Hải Phòng đạt 11.6% so với mức 9% của quý 3/2019, cao hơn 2.6%. Doanh thu giảm nhẹ so với cùng kì tuy nhiên giá vốn hàng bán lại giảm nhiều hơn so với mức giảm của doanh thu nên lợi nhuận gộp của HND đạt 266 tỉ đồng tăng 26.7% so với quý 3/2019.

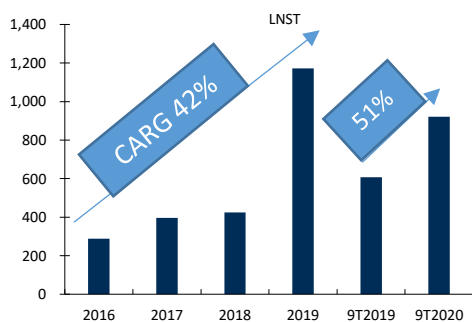
Trong kì HND có hơn 9 tỉ đồng doanh thu từ hoạt động tài chính tăng 133% so với cùng kì. Chi phí lãi vay giảm so với quý 3/2019 là 29.3 tỉ đồng do số dư nợ gốc vay dài hạn giảm dần. Chi phí quản lí doanh nghiệp giảm so với cùng kì là 20.5 tỉ đồng do chi phí chuẩn bị sản xuất đã phân bổ hết trong năm 2019, do đó góp phần làm cho chi phí tài chính và chi phí quản lí doanh nghiệp giảm lần lượt là 8.4% và 47.5% so với quý 3/2019.

Biểu đồ 1. Tăng trưởng doanh thu của HND



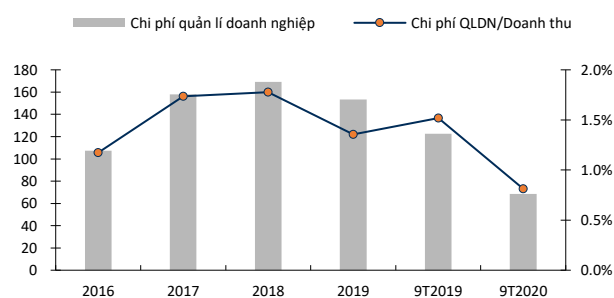
Nguồn: HND, KBSV

Biểu đồ 2. Tăng trưởng LNST



Nguồn: HND, KBSV

Biểu đồ 3. Tỷ lệ chi phí quản lí doanh nghiệp



Nguồn: HND, KBSV

Điểm nhấn đầu tư

KQKD năm 2020 tích cực

KBSV ước tính LNST cả năm 2020 đạt 1281 tỉ đồng tăng 9.2% so với năm 2019, do giảm nợ vay dài hạn, bên cạnh đó giảm mạnh chi phí quản lí doanh nghiệp.

Tình trạng thiếu than cơ bản được giải quyết

HND có hợp đồng cung cấp than từ Tập đoàn than khoáng sản Việt Nam (TKV) với thời hạn 40 năm và Tổng công ty Đông Bắc là 5 năm (do đặc thù của doanh nghiệp Quân đội). Theo đó hằng năm, TKV sẽ cung cấp 2.2 triệu tấn than và Tổng công ty Đông Bắc cung cấp 1.1 triệu tấn than. Do đó, nguồn nhiên liệu than đầu vào ổn định là điều kiện cần để có doanh thu và sản lượng ổn định.

Hiệu suất hoạt động của Nhiệt điện Hải Phòng luôn ở mức cao vượt trội so với các nhà máy nhiệt điện khác trong khu vực

Hiệu suất hoạt động của HND trong năm 2019 đạt 77% (PPC: 66%, QTP: 72%), tăng so với mức 66% năm 2018 và 60% năm 2017 do tình trạng thiếu hụt điện năng tại Việt Nam còn tiếp diễn, bên cạnh đó, vì là nhà máy điện hoạt động hiệu quả, tỉ lệ dừng máy do sự cố và tỉ lệ hao hụt điện năng luôn ở mức thấp nên luôn được EVN ưu tiên huy động.

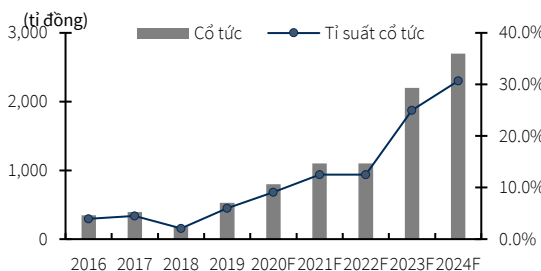
Hiện tượng La Nina và việc đàm phán lại giá điện tác động tiêu cực tới KQKD 2021, sang 2022 KQKD dự báo phục hồi tốt

Theo Viện nghiên cứu quốc tế về Khí hậu và Xã hội (IRI), xác suất xảy ra hiện tượng La Nina vào 2H2021 khoảng 70%, chúng tôi ước tính sản lượng sản xuất của HND đạt 7.9 tỉ kWh giảm 3% so với cùng kì, bên cạnh đó ước tính giá điện hợp đồng PPA giảm 50 đồng, doanh thu và lợi nhuận năm 2021 ước đạt 10,590 tỉ đồng và 884 tỉ đồng lần lượt giảm 6.7% YoY và 31% YoY. Tuy nhiên tình trạng thiếu hụt điện năng tại Việt Nam vẫn tiếp diễn, do vậy sản lượng năm 2022 của HND được dự báo sẽ hồi phục trở lại mức hiệu suất đạt 77% tương đương năm 2019 đạt 8.1 tỉ kWh, doanh thu đạt 10,913 tỉ đồng và lợi nhuận 1,128 tỉ đồng lần lượt tăng 3.1% YoY và 27.7% YoY.

Dòng tiền tự do cho vốn chủ sở hữu ổn định sau khi trả hết nợ vay vào năm 2022, tạo nguồn trả cổ tức tiền mặt lớn

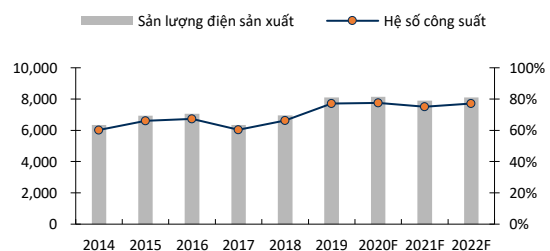
Theo ước tính, từ năm 2020, dòng tiền sản xuất kinh doanh của HND hằng năm sẽ đạt khoảng 2,800 tỉ đồng, số tiền này sẽ chủ yếu dùng để trả nợ gốc vay và chi trả cổ tức cho cổ đông. Thời điểm 31/9/2020, số dư nợ gốc của Nhiệt điện Hải Phòng còn gần 4000 tỉ. Với tốc độ trả nợ hằng năm hơn 1,800 tỉ đồng, dự kiến đến hết năm 2022, HND sẽ trả hết toàn bộ nợ gốc vay, dẫn đến dòng tiền tự do cho chủ sở hữu tăng mạnh, giúp tăng tỉ lệ chi trả cổ tức từ năm 2023 trở đi. Giai đoạn 2016-2019, HND chỉ trả cổ tức trung bình hằng năm 350 tỉ đồng khi kết quả kinh doanh của HND chưa thực sự khởi sắc và công ty vẫn còn nợ vay khá nhiều. Tuy nhiên theo ước tính của chúng tôi, HND sẽ tăng dần cổ tức cho cổ đông từ năm 2020 khi tình hình kinh doanh của HND ngày càng khởi sắc và sẽ có thể đạt mức chi trả cổ tức 2200 tỉ đồng/năm khi doanh nghiệp đã hoàn thành trả nợ vay vào năm 2023. Tỉ suất cổ tức/vốn hóa hiện tại của HND giai đoạn 2020-2022 có thể đạt 11%/năm, sau năm 2023 có thể lên 25-30%/năm.

Biểu đồ 5. Tỉ suất cổ tức của HND qua các năm



Nguồn: HND, KBSV

Biểu đồ 4. Hệ số công suất của HND qua các năm



Nguồn: HND, KBSV

Dự phóng kết quả kinh doanh – Định giá

Doanh thu và lợi nhuận sau thuế năm 2020 tăng lần lượt là 0.4% YoY và 9.2% YoY

KBSV dự báo doanh thu và LNST quý 4 của HND lần lượt đạt 2,912 tỷ (-10% yoy) và 360 tỷ (-40%yoy). Cả năm 2020, KBSV ước tính doanh thu thuần và lợi nhuận sau thuế lần lượt đạt 11,349 tỷ VND (+0.4% yoy) và 1281 tỷ VND (+9.2% yoy). Tổng sản lượng cả năm đạt 8.15 tỉ kWh, tăng nhẹ so với năm 2019, giá bán điện trung bình là 1,508 VND/kWh, sản lượng than tiêu thụ đạt khoảng 3.77 triệu tấn. Tỷ lệ điện tự dùng duy trì ở mức 8.9%.

Ước tính giá bán điện hợp đồng PPA điều chỉnh giảm 50 đồng. Doanh thu, lợi nhuận năm 2021 lần lượt đạt 10,590 tỉ đồng và 884 tỉ đồng

HND đang đàm phán lại giá điện với EVN từ năm 2021 trở đi. Chúng tôi ước tính, giá hợp đồng PPA điều chỉnh giảm 50 đồng VNĐ, tương ứng mức giảm 3.2% so với giá bán theo hợp đồng năm 2020. Bên cạnh đó, theo Viện nghiên cứu quốc tế về Khí hậu và Xã hội (IRI), xác suất xảy ra hiện tượng La Nina vào 2H2021 khoảng 70%, chúng tôi ước tính sản lượng sản xuất của HND đạt 7.9 tỉ kWh giảm 3% so với cùng kì với giá bán bình quân đạt 1,458 VNĐ/kWh. Doanh thu và lợi nhuận năm 2021 đạt 10,590 tỉ đồng và 884 tỉ đồng lần lượt giảm 6.7% YoY và 31% YoY.

Giá trị hợp lí của HND ở mức 22,500 VNĐ/cổ phiếu

Chúng tôi sử dụng phương pháp Chiếu khấu dòng cổ tức (DDM) để định giá cổ phiếu HND với tỷ lệ chiết khấu 15%. Giá trị hợp lí của cổ phiếu HND ở mức 22,500 VNĐ/cổ phiếu.

Chúng tôi đánh giá HND là một trong những nhà máy điện than với công suất lớn, và hoạt động hiệu quả. Dù khả năng cao xảy ra hiện tượng La Nina năm 2021, làm ảnh hưởng tới sản lượng huy động điện từ EVN, tuy nhiên, chúng tôi tin rằng tình trạng thiếu hụt điện năng tại Việt Nam vẫn tiếp diễn, do vậy sản lượng được huy động của HND năm 2022 sẽ vẫn đạt mức tại hiệu suất sử dụng cao là 77%. Đến cuối năm 2022, HND trả hết nợ vay dài hạn có gốc vay ngoại tệ, qua đó cải thiện dòng tiền và khả năng chi trả cổ tức thêm gần 1800 tỉ đồng.

Chúng tôi khuyến nghị MUA đối với cổ phiếu HND, giá mục tiêu cho năm 2020 là 22,500 VNĐ/cổ phiếu, cao hơn 22.2% so với giá đóng cửa ngày 19/10/2020.

Bảng 6. Dự phóng kết quả kinh doanh năm 2020

	2018	2019	2020F	2021F
Doanh thu thuần	9,527	11,301	11,349	10,590
Sản lượng điện (Triệu kWh)	6,967	8,102	8,150	7,900
Giá bán bình quân (VNĐ/kWh)	1,504	1,508	1,508	1,458
Giá vốn hàng bán	-7,935	-9,545	-9,571	-9,358
Lợi nhuận gộp	1,592	1,756	1,778	1,231
Chi phí bán hàng	2	3	4	4
Chi phí quản lý doanh nghiệp	-169	-153	-157	-161
Chi phí/lợi nhuận tài chính	-973	-363	-266	-137
Lợi nhuận từ công ty liên kết	0	0	0	0
Lợi nhuận trước thuế	452	1,243	1,358	938
Lợi nhuận sau thuế công ty mẹ	425	1,173	1,281	884
Cổ tức bằng tiền (tỉ đồng)	183	528	800	1,100

Nguồn: KBSV

Báo cáo Kết quả HĐKD

(TỶ VNĐ)	2018A	2019A	2020F	2021F
(Báo cáo chuẩn)	VN GAAP	VN GAAP	VN GAAP	VN GAAP
Doanh số thuần	9,527	11,301	11,349	10,590
Giá vốn hàng bán	7,935	9,545	9,571	9,358
Lãi gộp	1,592	1,756	1,778	1,231
Thu nhập tài chính	24	34	44	48
Chi phí tài chính	997	397	310	185
Trong đó: Chi phí lãi vay	504	383	272	162
Lãi/(lỗ) từ công ty liên doanh	0	0	0	0
Chi phí bán hàng	0	0	0	0
Chi phí quản lý doanh nghiệp	169	153	157	161
Lãi/(lỗ) từ hoạt động kinh doanh	450	1,240	1,354	934
Thu nhập khác	3	7	7	7
Chi phí khác	4	5	5	5
Thu nhập khác, ròng	(1)	2	2	2
Lãi/(lỗ) ròng trước thuế	449	1,242	1,357	936
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp	24	70	76	52
Lãi/(lỗ) thuần sau thuế	425	1,173	1,281	884
Lợi ích của cổ đông thiểu số	0	0	0	0
Lợi nhuận của Cổ đông của Công ty mẹ	425	1,173	1,281	884

Chỉ số hoạt động

(%)	2018A	2019A	2020F	2021F
Tỷ suất lợi nhuận gộp	16.7%	15.5%	15.7%	11.6%
Tỷ suất EBITDA	24.2%	26.8%	27.7%	25.7%
Tỷ suất EBIT	4.7%	11.0%	11.9%	8.8%
Tỷ suất lợi nhuận trước thuế	4.0%	10.9%	12.8%	8.9%
Tỷ suất lãi hoạt động KD	4.7%	11.0%	11.9%	8.8%
Tỷ suất lợi nhuận thuần	4.5%	10.4%	11.3%	8.3%

Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ

(TỶ VNĐ)	2018A	2019A	2020F	2021F
Lãi trước thuế	449	1,265	1,357	936
Khấu hao TSCĐ	1,856	1,789	1,785	1,785
Chi phí lãi vay	504	383	272	162
Khác	-494	-20	38	0
Lãi/(lỗ) trước những thay đổi vốn lưu động	2,314	3,418	3,452	2,883
(Tăng)/giảm các khoản phải thu	-2,331	-310	0	0
(Tăng)/giảm hàng tồn kho	306	-257	0	0
Tăng/(giảm) các khoản phải trả	-14	156	0	0
(Tăng)/giảm chi phí trả trước	69	50	0	0
Chứng khoán kinh doanh, chi phí lãi vay	-131	-544	-386	-237
Lưu chuyển tiền tệ ròng từ các hoạt động sản xuất kinh doanh	1,978	2,513	3,066	2,646
Tiền mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	-11	-69	0	0
Tiền thu được từ thanh lý tài sản cố định	0	0	0	0
Tiền cho vay hoặc mua công cụ nợ	0	0	0	0
Tiền thu từ cho vay hoặc thu từ phát hành công cụ nợ	0	0	0	0
Đầu tư vào các doanh nghiệp khác	0	0	0	0
Tiền thu từ việc bán các khoản đầu tư vào các doanh nghiệp khác	0	0	0	0
Cổ tức và tiền lãi nhận được	20	32	0	0
Lưu chuyển tiền tệ ròng từ hoạt động đầu tư	9	-37	0	0
Tiền thu từ phát hành cổ phiếu và vốn góp	0	0	0	0
Chi trả cho việc mua lại, trả lại cổ phiếu	0	0	0	0
Tiền thu được các khoản đi vay	1,505	1,074	0	0
Tiền trả các khoản đi vay	-1,813	-2,936	-1,815	-1,815
Tiền thanh toán vốn gốc đi thuê tài chính	0	0	0	0
Cổ tức đã trả	-183	-528	-800	-1,100
Tiền lãi đã nhận	0	0	0	0
Lưu chuyển tiền tệ từ hoạt động tài chính	-491	-2,390	-2,615	-2,915
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	1,496	86	451	-269
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	23	692	779	1,229
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	692	779	1,229	960

Nguồn: HND, KBSV

Bảng cân đối kế toán

(TỶ VNĐ)	2018A	2019A	2020F	2021F
(Báo cáo chuẩn)	VN GAAP	VN GAAP	VN GAAP	VN GAAP
Tổng Cộng Tài Sản	13,769	12,664	11,329	12,664
Tài Sản Ngắn Hạn	3,021	3,655	4,106	3,837
Tiền và tương đương tiền	692	779	1,229	960
Giá trị thuần đầu tư ngắn hạn	0	0	0	0
Các khoản phải thu	1,967	2,278	2,278	2,278
Hàng tồn kho, ròng	356	598	598	598
Tài Sản Dài Hạn	10,748	9,008	7,223	5,438
Phải thu dài hạn	252	217	217	217
Tài sản cố định	10,328	8,560	6,774	4,989
Tài sản dở dang dài hạn	168	231	231	231
Đầu tư dài hạn	1	1	1	1
Lợi thế thương mại	0	0	0	0
Nợ Phải Trả	8,077	6,434	4,619	6,434
Nợ ngắn hạn	2,687	2,852	2,852	2,852
Phải trả người bán	353	1,036	1,036	1,036
Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	0	0	0	0
Vay ngắn hạn	1,861	1,815	1,815	1,767
Nợ dài hạn	5,391	3,582	1,767	3,582
Phải trả nhà cung cấp dài hạn	0	0	0	0
Người mua trả tiền trước dài hạn	0	0	0	0
Doanh thu chưa thực hiện	0	0	0	0
Vay dài hạn	5,391	3,582	1,767	3,582
Vốn Chủ Sở Hữu	5,692	6,230	6,710	6,230
Vốn góp	5,000	5,000	5,000	5,000
Thặng dư vốn cổ phần	197	197	197	197
Lãi chưa phân phối	432	969	1,450	1,234
Vốn ngân sách nhà nước và quỹ khác	64	63	63	63
Lợi ích cổ đông không kiểm soát	0	0	0	0

Chỉ số chính

(x, %, VNĐ)	2018A	2019A	2020F	2021F
Chỉ số định giá				
P/E	21.7	7.8	7.2	10.4
P/E pha loãng	21.7	7.8	7.2	10.4
P/B	1.6	1.5	1.4	1.5
P/S	1.0	0.8	0.8	0.9
P/Tangible Book	1.8	2.1	2.7	3.7
P/Cash Flow	9.3	7.3	6.0	7.0
Giá trị doanh nghiệp/EBITDA	4.0	3.0	2.9	3.4
Giá trị doanh nghiệp/EBIT	20.5	7.4	6.8	9.9
Hiệu quả quản lý				
ROE	7.5%	18.8%	19.1%	14.2%
ROA	3.1%	9.3%	11.3%	7.0%
ROIC	4.3%	13.7%	18.7%	10.5%
Cấu trúc tài chính				
Tỷ suất thanh toán tiền mặt	25.8%	27.3%	43.1%	33.7%
Tỷ suất thanh toán nhanh	99.2%	107.2%	123.0%	113.6%
Tỷ suất thanh toán hiện thời	37.4%	56.8%	88.9%	59.6%
Vốn vay dài hạn/Vốn CSH	94.7%	57.5%	26.3%	57.5%
Vốn vay dài hạn/Tổng Tài sản	66.7%	55.7%	38.3%	0.0%
Vốn vay ngắn hạn/Vốn CSH	32.7%	29.1%	27.1%	28.4%
Vốn vay ngắn hạn/Tổng Tài sản	13.5%	14.3%	16.0%	14.0%
Công nợ ngắn hạn/Vốn CSH	47.2%	45.8%	42.5%	45.8%
Công nợ ngắn hạn/Tổng Tài sản	19.5%	22.5%	25.2%	22.5%
Tổng công nợ/Vốn CSH	141.9%	103.3%	68.8%	103.3%
Tổng công nợ/Tổng Tài sản	58.7%	50.8%	40.8%	50.8%
Chỉ số hoạt động				
Hệ số quay vòng phải thu khách hàng	4.8	5.0	5.0	4.6
Hệ số quay vòng HTK	26.7	18.9	19.0	17.7
Hệ số quay vòng phải trả nhà cung cấp	27.0	10.9	11.0	10.2

KHOẢ PHÂN TÍCH CÔNG TY CHỨNG KHOẢN KB VIỆT NAM

Giám đốc Khối Phân Tích – Nguyễn Xuân Bình
binhnx@kbsec.com.vn

Phân tích Ví mô & Chiến lược Thị trường

Giám đốc Kinh tế Ví mô & Chiến lược thị trường – Trần Đức Anh
anhtd@kbsec.com.vn

Chuyên viên Phân tích Ví mô – Thái Thị Việt Trinh
trinhhtt@kbsec.com.vn

Chuyên viên Chiến lược Thị trường – Lê Anh Tùng
tungla@kbsec.com.vn

Phân tích Doanh nghiệp (Hà Nội)

Giám đốc Phân tích Doanh nghiệp (Hà Nội) – Dương Đức Hiếu
hieudd@kbsec.com.vn

Chuyên viên Phân tích Công nghệ & Logistics – Nguyễn Anh Tùng
tungna@kbsec.com.vn

Chuyên viên Phân tích Bất động sản – Phạm Hoàng Bảo Nga
ngaphb@kbsec.com.vn

Chuyên viên Phân tích Năng lượng & Vật liệu xây dựng – Nguyễn Ngọc Hiếu
hieunn@kbsec.com.vn

Chuyên viên Phân tích Ngân hàng Tài chính – Nguyễn Thị Thu Huyền
huyenntt@kbsec.com.vn

Phân tích Doanh nghiệp (Hồ Chí Minh)

Giám đốc Phân tích Doanh nghiệp (Hồ Chí Minh) – Harrison Kim
harrison.kim@kbf.com

Chuyên viên Phân tích Hàng tiêu dùng & Bán lẻ – Đào Phúc Phương Dung
dungdpp@kbsec.com.vn

Chuyên viên Phân tích Thủy sản & Dược phẩm – Nguyễn Thanh Danh
danhnt@kbsec.com.vn

Chuyên viên Phân tích Dầu Khí & Hóa chất – Nguyễn Vinh
vinhn@kbsec.com.vn

Bộ phận Marketing Research

Chuyên viên Marketing Hàn Quốc – Seon Yeong Shin
shin.sy@kbsec.com.vn

CTCP CHỨNG KHOÁN KB VIỆT NAM (KBSV)

Trụ sở chính:

Địa chỉ: Tầng G, tầng 2 và 7, Tòa nhà Sky City số 88 Láng Hạ, Đống Đa, Hà Nội
Điện thoại: (+84) 24 7303 5333 - Fax: (+84) 24 3776 5928

Chi nhánh Hà Nội:

Địa chỉ: Tầng 1, Tòa nhà VP, số 5 Điện Biên Phủ, Quận Ba Đình, Hà Nội
Điện thoại: (+84) 24 7305 3335 - Fax: (+84) 24 3822 3131

Chi nhánh Hồ Chí Minh:

Địa chỉ: Tầng 2, TNR Tower Nguyễn Công Trứ, 180-192 Nguyễn Trứ, Q1, TP Hồ Chí Minh
Điện thoại: (+84) 28 7303 5333 - Fax: (+84) 28 3914 1969

Chi nhánh Sài Gòn:

Địa chỉ: Tầng 1, Saigon Trade Center, 37 Tôn Đức Thắng, Phường Bến Nghé, Q1, Hồ Chí Minh
Điện thoại: (+84) 28 7306 3338 - Fax: (+84) 28 3910 1611

LIÊN HỆ

Trung Tâm Khách hàng Tổ chức: (+84) 28 7303 5333 – Ext: 2656
Trung Tâm Khách hàng Cá nhân: (+84) 24 7303 5333 – Ext: 2276
Email: ccc@kbsec.com.vn
Website: www.kbsec.com.vn

Hệ thống khuyến nghị

Hệ thống khuyến nghị đầu tư cổ phiếu

(dựa trên kỳ vọng tăng giá tuyệt đối trong 6 tháng tới)

Mua:	Nắm giữ:	Bán:
+15% hoặc cao hơn	trong khoảng +15% và -15%	-15% hoặc thấp hơn

Hệ thống khuyến nghị đầu tư ngành

(dựa trên kỳ vọng tăng giá tuyệt đối trong 6 tháng tới)

Khả quan:	Trung lập:	Kém khả quan:
Vượt trội hơn thị trường	Phù hợp thị trường	Kém hơn thị trường

Ý kiến trong báo cáo này phản ánh đánh giá chuyên môn của (các) chuyên viên phân tích kể từ ngày phát hành và dựa trên thông tin và dữ liệu thu được từ các nguồn mà KBSV cho là đáng tin cậy. KBSV không tuyên bố rằng thông tin và dữ liệu là chính xác hoặc đầy đủ và các quan điểm được trình bày trong báo cáo này có thể thay đổi mà không cần thông báo trước. Khách hàng nên độc lập xem xét các trường hợp và mục tiêu cụ thể của riêng mình và tự chịu trách nhiệm về các quyết định đầu tư của mình và chúng tôi sẽ không có trách nhiệm đối với các khoản đầu tư hoặc kết quả của chúng. Những tài liệu này là bản quyền của KBSV và không được sao chép, phân phối lại hoặc sửa đổi mà không có sự đồng ý trước bằng văn bản của KBSV. Nhận xét và quan điểm trong báo cáo này có tính chất chung và chỉ nhằm mục đích tham khảo và không được phép sử dụng cho bất kỳ mục đích nào khác.